

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ NĂNG LƯỢNG TRƯỜNG THỊNH
BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ
ĐÃ ĐƯỢC SOÁT XÉT

Cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2020

Tháng 08 năm 2020

MỤC LỤC

<u>NỘI DUNG</u>	<u>TRANG</u>
BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC	2 - 3
BÁO CÁO SOÁT XÉT THÔNG TIN TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ	4 - 5
BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ	6 - 7
BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ	8
BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ	9
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ	10 - 33

BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Ban Giám đốc Công ty Cổ phần Đầu tư Năng lượng Trường Thịnh (gọi tắt là “Công ty”) trình bày Báo cáo này cùng với Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ đã được soát xét cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc ngày 30/06/2020.

CÔNG TY

Công ty Cổ phần Đầu tư Năng lượng Trường Thịnh (tên gọi cũ: Công ty Cổ phần Thủy điện Đăk Ne) là doanh nghiệp được tách từ Công ty Cổ phần Tấn Phát, Công ty đã được Sở Kế hoạch và Đầu Tư tỉnh Kon Tum cấp Giấy Chứng nhận Đăng ký Doanh nghiệp Công ty cổ phần lần đầu ngày 21/5/2014 với mã số doanh nghiệp 6101177237, đăng ký thay đổi lần thứ sáu ngày 31/12/2019.

Tên Công ty viết bằng tiếng nước ngoài là: TRUONG THINH ENERGY INVESTMENT JOINT STOCK COMPANY;

Tên viết tắt là: TTE.

Cổ phiếu của Công ty hiện đang giao dịch tại Sở giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh (HOSE) với mã chứng khoán là TTE.

Trụ sở chính của Công ty: 507 Duy Tân, phường Duy Tân, thành phố Kon Tum, Tỉnh Kon Tum, Việt Nam.

Vốn điều lệ của Công ty theo Giấy chứng nhận Đăng ký Doanh nghiệp Công ty Cổ phần thay đổi lần thứ sáu ngày 31/12/2019 là 284.904.000.000 VND (Hai trăm tám mươi tư tỷ, chín trăm linh bốn triệu đồng).

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, BAN GIÁM ĐỐC VÀ BAN KIỂM SOÁT

Các thành viên Hội đồng quản trị và Ban Giám đốc tham gia quản lý và điều hành Công ty trong kỳ và đến ngày lập báo cáo này gồm:

	Ngày bổ nhiệm	Ngày miễn nhiệm
Hội đồng Quản trị		
Ông Đinh Xuân Hoàng	Chủ tịch Hội đồng quản trị	
Ông Nguyễn Ngọc Tường	Phó Chủ tịch HĐQT	19/02/2020
Ông Lê Văn Khoa	Thành viên	19/02/2020
Ông Nguyễn Văn Quân	Thành viên độc lập	19/02/2020
Ông Trần Văn Hải	Thành viên	
Bà Lê Thị Thu Hương	Thành viên độc lập	19/02/2020
Ông Phạm Văn Lợi	Thành viên	19/02/2020
Ông Trần Quang Chung	Thành viên	
Ban Giám đốc		
Ông Trần Quang Chung	Tổng Giám đốc	
Ông Hoàng Hữu Điền	Phó Tổng Giám đốc	
Ban Kiểm soát		
Ông Hoàng Minh Sang	Trưởng Ban kiểm soát	
Bà Lê Thị Hạnh	Thành viên	
Ông Lê Nhất Minh Xuân	Thành viên	19/02/2020
Ông Lê Quốc Anh	Thành viên	19/02/2020
Kế toán Công ty		
Ông Hoàng Hữu Điền	Kế toán trưởng	

BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC (tiếp theo)

CÁC SỰ KIỆN SAU NGÀY KẾT THÚC NIÊN ĐỘ KẾ TOÁN

Theo nhận định của Ban Giám đốc, xét trên những khía cạnh trọng yếu, không có sự kiện bất thường nào xảy ra sau ngày khóa sổ kế toán làm ảnh hưởng đến tình hình tài chính và hoạt động của Công ty cần thiết phải điều chỉnh hoặc trình bày trên Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ kèm theo.

KIỂM TOÁN VIÊN

Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc ngày 30/06/2020 được soát xét bởi Công ty TNHH Kiểm toán CPA VIETNAM - Thành viên Hãng Kiểm toán Quốc tế Moore Global Network.

TRÁCH NHIỆM CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Ban Giám đốc Công ty có trách nhiệm lập Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc ngày 30/06/2020 nhằm phản ánh một cách trung thực và hợp lý tình hình tài chính hợp nhất cũng như kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất của Công ty trong kỳ. Trong việc lập Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ này, Ban Giám đốc được yêu cầu phải:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán;
- Đưa ra các phán đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các nguyên tắc kế toán thích hợp có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu cần được công bố và giải thích trong Báo cáo tài chính hợp nhất hay không;
- Lập Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh.

Ban Giám đốc xác nhận rằng Công ty đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ.

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm và đảm bảo rằng sổ sách kế toán đã được ghi chép phù hợp, phản ánh một cách hợp lý tình hình tài chính của Công ty ở bất kỳ thời điểm nào. Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ này đã tuân thủ các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Hệ thống kế toán Việt Nam và các quy định hiện hành khác liên quan đến quá trình lập Báo cáo tài chính hợp nhất tại Việt Nam. Ban Giám đốc cũng chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn cho tài sản của Công ty, luôn thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và sai phạm khác.

CAM KẾT KHÁC

Ban Giám đốc cam kết tuân thủ việc công bố thông tin theo quy định tại Nghị định số 71/2017/NĐ-CP ngày 06/06/2017 của Chính phủ về Hướng dẫn quản trị công ty áp dụng đối với công ty đại chúng và Thông tư số 155/2015/TT-BTC ngày 06/10/2015 của Bộ Tài chính về việc công bố thông tin trên thị trường chứng khoán.

Đại diện pháp luật của Công ty,



Trần Quang Chung
Tổng Giám đốc

Kon Tum, ngày 25 tháng 08 năm 2020

Số: 685/2020/BCSX-BCTCHN/CPA VIETNAM

**BÁO CÁO SOÁT XÉT
THÔNG TIN TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ**Về Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc ngày 30/06/2020
của Công ty Cổ phần Đầu tư Năng lượng Trường Thịnh

Kính gửi: Các Quý Cổ đông
Hội đồng Quản trị và Ban Giám đốc
Công ty Cổ phần Đầu tư Năng lượng Trường Thịnh

Chúng tôi đã soát xét Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ kèm theo của Công ty Cổ phần Đầu tư Năng lượng Trường Thịnh (gọi tắt là “Công ty”), được lập ngày 25 tháng 08 năm 2020, từ trang 6 đến trang 33, bao gồm Bảng Cân đối kế toán hợp nhất giữa niên độ tại ngày 30 tháng 06 năm 2020, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất giữa niên độ cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc ngày 30/06/2020 và Bản thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ.

Trách nhiệm của Ban Giám đốc

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ của Công ty theo Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra kết luận về báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ dựa trên kết quả soát xét của chúng tôi. Chúng tôi đã thực hiện công việc soát xét theo Chuẩn mực Việt Nam về hợp đồng dịch vụ soát xét số 2410 - Soát xét thông tin tài chính giữa niên độ do kiểm toán viên độc lập của đơn vị thực hiện.

Công việc soát xét thông tin tài chính giữa niên độ bao gồm việc thực hiện các cuộc phỏng vấn, chủ yếu là phỏng vấn những người chịu trách nhiệm về các vấn đề tài chính kế toán, và thực hiện thủ tục phân tích và các thủ tục soát xét khác. Một cuộc soát xét về cơ bản có phạm vi hẹp hơn một cuộc kiểm toán được thực hiện theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam và do vậy không cho phép chúng tôi đạt được sự đảm bảo rằng chúng tôi sẽ nhận biết được tất cả các vấn đề trọng yếu có thể được phát hiện trong một cuộc kiểm toán. Theo đó, chúng tôi không đưa ra ý kiến kiểm toán.

Kết luận của Kiểm toán viên

Căn cứ trên kết quả soát xét của chúng tôi, chúng tôi không thấy có vấn đề gì khiến chúng tôi cho rằng báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ đính kèm không phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Công ty tại ngày 30/06/2020, và kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ của Công ty cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ.



Vũ Ngọc Ân

Phó Tổng Giám đốc

Số Giấy CN ĐKHN kiểm toán: 0496-2018-137-1

Giấy Ủy quyền số 01/2020/UQ-CPAVIETNAM ngày 02/01/2020

Thay mặt và đại diện

CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN CPA VIETNAM

Thành viên Hãng kiểm toán Quốc tế Moore Global Network

Hà Nội, ngày 25 tháng 08 năm 2020

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

Tại ngày 30 tháng 06 năm 2020

	MS	TM	30/06/2020 VND	01/01/2020 VND
A - TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		65.068.916.346	79.452.377.521
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110	5.01	3.293.921.310	48.649.584.036
1. Tiền	111		3.293.921.310	48.649.584.036
II. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		61.425.077.204	29.904.108.290
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	5.02	14.020.196.724	25.749.350.269
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	5.03	1.987.222.243	1.240.263.373
3. Phải thu khác ngắn hạn	136	5.05	45.417.658.237	2.914.494.648
III. Tài sản ngắn hạn khác	150		349.917.832	898.685.195
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151	5.04	349.917.832	898.685.195
B - TÀI SẢN DÀI HẠN	200		893.675.004.259	922.104.246.492
I. Các khoản phải thu dài hạn	210		217.033.000	2.701.629.000
1. Phải thu dài hạn khác	216	5.05	217.033.000	2.701.629.000
II. Tài sản cố định	220	5.06	890.531.232.182	916.413.302.201
1. Tài sản cố định hữu hình	221		890.531.232.182	916.413.302.201
- Nguyên giá	222		1.145.214.077.747	1.145.050.305.020
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(254.682.845.565)	(228.637.002.819)
III. Tài sản dài hạn khác	260		2.926.739.077	2.989.315.291
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	5.04	2.276.580.419	2.284.597.864
2. Lợi thế thương mại	269	5.07	650.158.658	704.717.427
TỔNG CỘNG TÀI SẢN	270		958.743.920.605	1.001.556.624.013

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
 Tại ngày 30 tháng 06 năm 2020

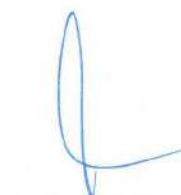
	MS	TM	30/06/2020 VND	01/01/2020 VND
A- NỢ PHẢI TRẢ	300		674.503.505.887	681.012.154.639
I. Nợ ngắn hạn	310		129.409.505.887	96.618.154.639
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	5.08	1.054.816.000	2.830.595.159
2. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	5.09	14.423.548.260	22.304.483.782
3. Phải trả người lao động	314		1.252.467.500	1.840.411.935
4. Chi phí phải trả ngắn hạn	315	5.10	12.791.625.086	6.731.967.786
5. Phải trả ngắn hạn khác	319	5.11	547.461.194	400.079.076
6. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	5.12	98.596.070.946	61.500.000.000
7. Quỹ khen thưởng phúc lợi	322		743.516.901	1.010.616.901
II. Nợ dài hạn	330		545.094.000.000	584.394.000.000
1. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	338	5.12	545.094.000.000	584.394.000.000
B- VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		284.240.414.718	320.544.469.374
I. Vốn chủ sở hữu	410	5.13	284.240.414.718	320.544.469.374
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411		284.904.000.000	284.904.000.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		284.904.000.000	284.904.000.000
2. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		(4.022.441.541)	32.044.939.791
- LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ trước	421a		14.950.699.791	10.077.326.026
- LNST chưa phân phối kỳ này	421b		(18.973.141.332)	21.967.613.764
3. Lợi ích cổ đông không kiểm soát	429		3.358.856.260	3.595.529.583
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	440		958.743.920.605	1.001.556.624.013

Kon Tum, ngày 25 tháng 08 năm 2020

Người lập biểu

Kế toán trưởng

Tổng Giám đốc



Đoàn Thị Ngọc Thu



Hoàng Hữu Điền



Trần Quang Chung

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG DOANH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ
 Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30/06/2020

CHỈ TIÊU	MS	TM	Cho kỳ kế toán	Cho kỳ kế toán
			06 tháng kết thúc ngày 30/6/2020 VND	06 tháng kết thúc ngày 30/6/2019 VND
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	6.01	54.016.503.998	95.576.919.298
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02		-	-
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	10		54.016.503.998	95.576.919.298
4. Giá vốn hàng bán	11	6.02	35.227.718.970	37.230.035.607
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		18.788.785.028	58.346.883.691
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	6.03	37.574.431	36.326.663
7. Chi phí tài chính	22	6.04	34.996.715.439	39.255.865.333
<i>Trong đó: Chi phí lãi vay</i>	23		34.996.715.439	39.255.865.333
8. Lãi lỗ trong công ty liên doanh, liên kết	24		-	-
9. Chi phí bán hàng	25		-	-
10. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	6.05	2.555.328.879	3.820.969.443
11. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		(18.725.684.859)	15.306.375.578
12. Thu nhập khác	31		32.161.893	53.400
13. Chi phí khác	32		198.490.985	182.672.741
14. Lợi nhuận khác	40	6.06	(166.329.092)	(182.619.341)
15. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		(18.892.013.951)	15.123.756.237
16. Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	6.07	317.800.705	989.299.306
17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60		(19.209.814.656)	14.134.456.931
18. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp của công ty mẹ	61		(18.973.141.332)	14.068.144.417
19. Lợi nhuận sau thuế của cổ đông không kiểm soát	62		(236.673.324)	66.312.514
20. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	6.09	(666)	480

Người lập biểu



Đoàn Thị Ngọc Thu

Kế toán trưởng



Hoàng Hữu Điền

Kon Tum, ngày 25 tháng 08 năm 2020

Tổng Giám đốc



Trần Quang Chung

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

(Theo phương pháp gián tiếp)

Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30/06/2020

CHỈ TIÊU	MS	Cho kỳ kế toán	Cho kỳ kế toán
		06 tháng kết thúc ngày 30/6/2020 VND	06 tháng kết thúc ngày 30/6/2019 VND
I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh			
1. Lợi nhuận trước thuế	01	(18.892.013.951)	15.123.756.237
2. Điều chỉnh cho các khoản			
- Khấu hao TSCĐ và BĐSĐT	02	26.045.842.746	26.164.410.462
- Lãi từ hoạt động đầu tư	05	(37.574.431)	(36.326.663)
- Chi phí lãi vay	06	34.996.715.439	39.255.865.333
- Các khoản điều chỉnh khác	07	-	54.558.769
3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước những thay đổi vốn lưu động	08	42.112.969.803	80.562.264.138
- Tăng các khoản phải thu	09	12.966.274.086	(16.276.668.103)
- Tăng, giảm các khoản phải trả	11	(52.363.165.934)	(27.783.829.411)
- Tăng, giảm chi phí trả trước	12	556.784.808	(600.536.473)
- Tiền lãi vay đã trả	14	(28.937.058.139)	(25.027.083.731)
- Thuế TNDN đã nộp	15	-	(581.740.956)
- Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	17	(267.100.000)	(508.064.600)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh	20	(25.931.295.376)	9.784.340.864
II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư			
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	21	(163.772.727)	-
2. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được	27	37.574.431	36.326.663
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30	(126.198.296)	36.326.663
III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính			
1. Tiền thu từ đi vay	33	25.155.000.000	-
2. Tiền trả nợ gốc vay	34	(27.358.929.054)	(24.500.000.000)
3. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36	(17.094.240.000)	-
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40	(19.298.169.054)	(24.500.000.000)
Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ	50	(45.355.662.726)	(14.679.332.473)
Tiền và tương đương tiền đầu kỳ	60	48.649.584.036	28.213.223.887
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái	61	-	-
Tiền và tương đương tiền cuối kỳ	70	3.293.921.310	13.533.891.414

Người lập biểu



Đoàn Thị Ngọc Thu

Kế toán trưởng



Hoàng Hữu Điền

Kon Tum, ngày 25 tháng 08 năm 2020

Tổng Giám đốc



Trần Quang Chung

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ NĂNG LƯỢNG TRƯỜNG THỊNH

Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc ngày 30/06/2020

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

MẪU B 09a-DN/HN

1. THÔNG TIN KHÁI QUÁT

Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Đầu tư Năng lượng Trường Thịnh (tên gọi cũ: Công ty Cổ phần Thủy điện Đăk Ne) là doanh nghiệp được tách từ Công ty Cổ phần Tấn Phát, Công ty đã được Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Kon Tum cấp Giấy Chứng nhận Đăng ký Doanh nghiệp Công ty cổ phần lần đầu ngày 21/5/2014 với mã số doanh nghiệp 6101177237, đăng ký thay đổi lần thứ sáu ngày 31/12/2019.

Tên Công ty viết bằng tiếng nước ngoài: TRUONG THINH ENERGY INVESTMENT JOINT STOCK COMPANY;

Tên viết tắt là: TTE.

Cổ phiếu của Công ty hiện đang giao dịch tại Sở giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh (HOSE) với mã chứng khoán là TTE.

Vốn điều lệ của Công ty theo Giấy chứng nhận Đăng ký Doanh nghiệp Công ty Cổ phần thay đổi lần thứ sáu ngày 31/12/2019 là 284.904.000.000 VND (Hai trăm tám mươi tư tỷ, chín trăm linh bốn triệu đồng).

Trụ sở chính của Công ty: 507 Duy Tân, phường Duy Tân, thành phố Kon Tum, Tỉnh Kon Tum, Việt Nam

Điện thoại: (84-6).03868119

Fax: (84-6).03868901

E-mail: info@dakne.vn

Website: www.dientruongthinh.vn

Người đại diện theo pháp luật: Tổng Giám đốc.

Số lao động bình quân trong kỳ là 67 người.

Ngành nghề kinh doanh và hoạt động chính

- Sản xuất, truyền tải và phân phối điện;
- Xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng khác;
- Khai thác đá, cát, sỏi, đất sét;
- Sản xuất bê tông và các sản phẩm từ xi măng và thạch cao;
- Vận tải hàng hóa bằng đường bộ;
- Xây dựng công trình đường sắt và đường bộ;
- Bán buôn nông, lâm sản nguyên liệu (trừ gỗ, tre nứa) và động vật sống;
- Bán buôn nhiều liệu rắn, lỏng, khí và các sản phẩm liên quan;
- Bán buôn kim loại và quặng kim loại;
- Bán buôn vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng: Hoạt động xây dựng chuyên dụng khác (thủy lợi, điện, cấp thoát nước, viễn thông).

Hoạt động chính của Công ty trong kỳ là Sản xuất, truyền tải và phân phối điện

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ NĂNG LƯỢNG TRƯỜNG THỊNH

Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc ngày 30/06/2020

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)

MẪU B 09a-DN/HN

Cấu trúc doanh nghiệp

Tại ngày 30/06/2020, Công ty có các công ty con và đơn vị trực thuộc như sau:

STT	Đơn vị	Địa chỉ	Hoạt động chính	Tỷ lệ sở hữu/Quyền biểu quyết
I	Công ty con			
1	Công ty TNHH Trung Việt	Lô T2, Khu Công nghiệp Hòa Bình, đường Phạm Văn Đồng, Phường Lê Lợi, Thành phố Kon Tum, Tỉnh Kon Tum	Sản xuất, truyền tải và phân phối điện	98%
II	Đơn vị trực thuộc			
1	Chi nhánh Công ty CP Đầu tư Năng lượng Trường Thịnh tại Quảng Nam	Thôn 2, Xã Trà Giác, Huyện Bắc Trà My, Tỉnh Quảng Nam	Sản xuất, truyền tải và phân phối điện	100%
2	Văn phòng Đại diện Công ty CP Đầu tư Năng lượng Trường Thịnh tại TP Đà Nẵng	Tầng 4, Tòa nhà Ricco, 363 Nguyễn Hữu Thọ, Phường Khuê Trung, Quận Cẩm Lệ, TP Đà Nẵng		100%

2. KỲ KẾ TOÁN, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN**Kỳ kế toán**

Kỳ kế toán năm của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 hàng năm. Ngoài ra Công ty còn định kỳ lập báo cáo tài chính hàng quý và Báo cáo tài chính giữa niên độ.

Kỳ kế toán trong Báo cáo này là từ ngày 01/01/2020 đến ngày 30/06/2020.

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo được trình bày bằng Đồng Việt Nam (VND).

3. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG**Chế độ kế toán áp dụng**

Công ty áp dụng Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC (“Thông tư 200”) ngày 22 tháng 12 năm 2014 hướng dẫn Chế độ Kế toán cho doanh nghiệp và Thông tư số 53/2016/TT-BTC ngày 21 tháng 3 năm 2016 của Bộ Tài chính về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 200/2014/TT-BTC; Thông tư số 202/2014/TT-BTC (“Thông tư 202”) ngày 22 tháng 12 năm 2014 hướng dẫn Phương pháp lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất.

Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán

Ban Giám đốc Công ty đảm bảo đã tuân thủ đầy đủ các Chuẩn mực kế toán Việt Nam và Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam đã được ban hành và có hiệu lực liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30/06/2020.

Thuyết minh về khả năng so sánh thông tin trên Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ

Công ty áp dụng nhất quán các chính sách kế toán, ước tính kế toán, tuân thủ các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ, đảm bảo khả năng so sánh thông tin trên Báo cáo tài chính.

4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG

Cơ sở lập Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ

Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo được trình bày bằng Đồng Việt Nam (VND), theo nguyên tắc giá gốc và phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ.

Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ của Công ty được hợp nhất từ Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ của Công ty mẹ và Báo cáo tài chính giữa niên độ của các Công ty con, Công ty liên kết do Công ty kiểm soát được lập cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30/06/2019. Việc kiểm soát này đạt được khi Công ty có khả năng kiểm soát các chính sách tài chính và hoạt động của các công ty nhận đầu tư nhằm thu được lợi ích từ hoạt động của các công ty này.

Kết quả hoạt động kinh doanh của các Công ty con được mua lại hoặc bán đi trong năm được trình bày trong Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ từ ngày mua hoặc cho đến ngày bán khoản đầu tư ở Công ty con đó.

Trong trường hợp cần thiết, Báo cáo tài chính giữa niên độ của các Công ty con được điều chỉnh để các chính sách kế toán được áp dụng tại Công ty và các Công ty con là giống nhau.

Tất cả các nghiệp vụ và số dư giữa các công ty trong cùng tập đoàn được loại bỏ khi hợp nhất Báo cáo tài chính giữa niên độ.

Lợi ích của cổ đông không kiểm soát trong thu nhập thuần của Công ty con hợp nhất trong kỳ hoạt động được xác định và loại trừ ra khỏi thu nhập của tập đoàn để tính lãi, hoặc lỗ thuần có thể được xác định cho những đối tượng sở hữu Công ty mẹ;

Lợi ích của cổ đông không kiểm soát trong tài sản thuần của Công ty con hợp nhất được xác định là một chỉ tiêu trong phần vốn chủ sở hữu của Công ty. Lợi ích của cổ đông không kiểm soát bao gồm giá trị các lợi ích của cổ đông không kiểm soát tại ngày hợp nhất kinh doanh ban đầu và phần lợi ích của cổ đông không kiểm soát trong sự biến động của tổng vốn chủ sở hữu kể từ ngày hợp nhất kinh doanh. Các khoản lỗ tương ứng với phần vốn của cổ đông không kiểm soát vượt quá phần vốn của họ trong tổng vốn chủ sở hữu của Công ty con được tính giảm vào phần lợi ích của Công ty trừ khi cổ đông không kiểm soát có nghĩa vụ ràng buộc và có khả năng bù đắp khoản lỗ đó.

Ảnh hưởng của các giao dịch làm thay đổi tỷ lệ sở hữu của Công ty và lợi ích cổ đông không kiểm soát trong các công ty con nhưng không làm mất đi quyền kiểm soát của Công ty được ghi nhận trực tiếp vào lợi nhuận sau thuế chưa phân phối trên bảng cân đối kế toán hợp nhất.

Hợp nhất kinh doanh

Tài sản, công nợ và công nợ tiềm tàng của công ty con được xác định theo giá trị hợp lý tại ngày mua công ty con. Bất kỳ khoản phụ trội nào giữa giá mua và tổng giá trị hợp lý của tài sản thuần được mua được ghi nhận là lợi thế kinh doanh. Bất kỳ khoản thiếu hụt nào giữa giá mua và tổng giá trị hợp lý của tài sản thuần được mua được ghi nhận vào kết quả hoạt động kinh doanh của kỳ kế toán phát sinh hoạt động mua công ty con.

Lợi ích của cổ đông không kiểm soát tại ngày hợp nhất kinh doanh ban đầu được xác định trên cơ sở tỷ lệ của cổ đông không kiểm soát trong tổng giá trị hợp lý của tài sản, công nợ và công nợ tiềm tàng được ghi nhận.

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ NĂNG LƯỢNG TRƯỜNG THỊNH

Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc ngày 30/06/2020

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)

MÃU B 09a-DN/HN

Nguyên tắc ghi nhận tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền: Bao gồm Tiền mặt, Tiền gửi ngân hàng (không kỳ hạn) và Tiền đang chuyển

Tiền mặt, Tiền gửi ngân hàng được ghi nhận trên cơ sở thực tế phát sinh thu-chi.

Tiền đang chuyển: Dựa vào các lệnh chuyển tiền chưa có giấy báo Nợ và giấy nộp tiền chưa có giấy báo Có.

Các khoản tương đương tiền

Là các khoản đầu tư ngắn hạn, tiền gửi có kỳ hạn có thời hạn thu hồi hoặc đáo hạn không quá 3 tháng kể từ ngày đầu tư, gửi tiền có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành một lượng tiền xác định và không có rủi ro trong chuyển đổi thành tiền tại thời điểm báo cáo.

Nguyên tắc kế toán nợ phải thu

Các khoản Nợ phải thu được theo dõi chi tiết theo kỳ hạn phải thu, đối tượng phải thu, loại nguyên tệ phải thu và các yếu tố khác theo nhu cầu quản lý của Công ty.

Các khoản Nợ phải thu bao gồm phải thu khách hàng và phải thu khác được ghi nhận theo nguyên tắc:

- Phải thu của khách hàng gồm các khoản phải thu mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch có tính chất mua - bán giữa Công ty và người mua (là đơn vị độc lập với người bán, gồm cả các khoản phải thu giữa công ty mẹ và công ty con). Các khoản phải thu thương mại được ghi nhận phù hợp với chuẩn mực doanh thu về thời điểm ghi nhận căn cứ theo hóa đơn, chứng từ phát sinh.
- Phải thu khác gồm các khoản phải thu không mang tính thương mại.

Các khoản phải thu được phân loại là ngắn hạn và dài hạn trên Bảng cân đối kế toán căn cứ kỳ hạn còn lại của các khoản phải thu tại ngày lập Báo cáo tài chính.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi: được lập cho từng khoản nợ phải thu khó đòi căn cứ vào thời gian quá hạn trả nợ gốc theo cam kết nợ ban đầu (không tính đến việc gia hạn nợ giữa các bên), hoặc có dấu hiệu khó đòi do khách nợ đã lâm vào tình trạng phá sản hoặc đang làm thủ tục giải thể, mất tích, bỏ trốn.

Nguyên tắc kế toán và khấu hao Tài sản cố định hữu hình

Công ty quản lý, sử dụng và trích khấu hao TSCĐ theo hướng dẫn tại thông tư 45/2013/TT-BTC ban hành ngày 25 tháng 04 năm 2013; Thông tư 147/2016/TT-BTC hướng dẫn, bổ sung, sửa đổi Thông tư 45/2013/TT-BTC về trích khấu hao tài sản cố định hiệu lực từ 28/11/2016 và Thông tư 28/2017/TT-BTC ngày 12/04/2017 của Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư 45/2013/TT-BTC và Thông tư 147/2016/TT-BTC hướng dẫn chế độ, quản lý, sử dụng, và trích khấu hao TSCĐ.

Tài sản cố định hữu hình được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua và toàn bộ các chi phí khác liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản và trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình do tự làm, tự xây dựng bao gồm chi phí xây dựng, chi phí sản xuất thực tế phát sinh cộng chi phí lắp đặt và chạy thử.

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính. Tỷ lệ khấu hao cụ thể hàng năm như sau:

Tài sản cố định hữu hình	Thời gian khấu hao (năm)
Nhà xưởng và vật kiến trúc	15-25
Máy móc và thiết bị	3-12
Phương tiện vận tải	6-10
Thiết bị, dụng cụ quản lý	3



Các khoản lãi, lỗ phát sinh khi thanh lý, bán tài sản là chênh lệch giữa thu nhập từ thanh lý và giá trị còn lại của tài sản và được ghi nhận vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

Nguyên tắc kế toán Chi phí trả trước

Chi phí trả trước phản ánh các chi phí thực tế đã phát sinh nhưng có liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều kỳ kế toán và việc kết chuyển các khoản chi phí này vào chi phí sản xuất kinh doanh của các kỳ kế toán sau.

Chi phí trả trước được ghi nhận theo giá gốc và được phân loại theo ngắn hạn và dài hạn trên Bảng cân đối kế toán căn cứ vào thời gian trả trước của từng hợp đồng.

Chi phí trả trước dài hạn bao gồm công cụ, dụng cụ, linh kiện loại nhỏ được coi là có khả năng đem lại lợi ích kinh tế trong tương lai cho Công ty với thời gian từ 01 năm trở lên. Các chi phí này được phân bổ dần vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, sử dụng phương pháp đường thẳng theo thời gian không quá 36 tháng.

Nguyên tắc kế toán Nợ phải trả

Các khoản nợ phải trả được theo dõi chi tiết theo kỳ hạn phải trả, đối tượng phải trả, loại nguyên tệ phải trả và các yếu tố khác theo nhu cầu quản lý của Công ty.

Các khoản nợ phải trả bao gồm phải trả người bán, phải trả nợ vay và các khoản phải trả khác là các khoản nợ phải trả được xác định gần như chắc chắn về giá trị và thời gian và được ghi nhận không thấp hơn nghĩa vụ phải thanh toán, được phân loại như sau:

- Phải trả người bán: gồm các khoản phải trả mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch mua hàng hóa, dịch vụ, tài sản giữa Công ty và người bán (là đơn vị độc lập với Công ty, gồm cả các khoản phải trả giữa công ty mẹ và công ty con).
- Phải trả khác gồm các khoản phải trả không mang tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua bán, cung cấp hàng hóa dịch vụ.

Nguyên tắc ghi nhận vay và nợ phải trả thuê tài chính

Bao gồm các khoản tiền vay, nợ thuê tài chính, không bao gồm các khoản vay dưới hình thức phát hành trái phiếu hoặc cổ phiếu ưu đãi có điều khoản bắt buộc bên phát hành phải mua lại tại một thời điểm nhất định trong tương lai.

Công ty theo dõi các khoản vay và nợ thuê tài chính chi tiết theo từng đối tượng nợ và phân loại ngắn hạn và dài hạn theo thời gian trả nợ.

Chi phí liên quan trực tiếp đến khoản vay được ghi nhận vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trong năm phát sinh, ngoại trừ các chi phí phát sinh từ khoản vay riêng cho mục đích đầu tư, xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang thì được vốn hóa theo Chuẩn mực Kế toán Việt nam số 16 - Chi phí đi vay.

Nguyên tắc ghi nhận và vốn hóa các khoản Chi phí đi vay

Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ tài chính phát sinh, trừ khi được vốn hóa theo quy định của Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 16 "Chi phí đi vay". Theo đó, chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc mua, đầu tư xây dựng hoặc sản xuất những tài sản cần một thời gian tương đối dài để hoàn thành đưa vào sử dụng hoặc kinh doanh được cộng vào nguyên giá tài sản cho đến khi tài sản đó được đưa vào sử dụng hoặc kinh doanh. Các khoản thu nhập phát sinh từ việc đầu tư tạm thời các khoản vay được ghi giảm nguyên giá tài sản có liên quan. Đối với khoản vay riêng phục vụ việc xây dựng tài sản cố định, bất động sản đầu tư, lãi vay được vốn hóa kể cả khi thời gian xây dựng dưới 12 tháng.

Nguyên tắc ghi nhận chi phí phải trả

Các khoản chi phí thực tế chưa chi nhưng được trích trước vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ để đảm bảo khi chi phí phát sinh thực tế không gây đột biến cho chi phí sản xuất kinh doanh trên cơ sở đảm bảo nguyên tắc phù hợp giữa doanh thu và chi phí.

Nguyên tắc ghi nhận vốn chủ sở hữu

Vốn đầu tư của chủ sở hữu được phản ánh là số vốn Điều lệ thực góp của các cổ đông.

Phân phối lợi nhuận của Công ty được thực hiện theo Nghị quyết của Đại Hội đồng cổ đông, quy định của Quy chế quản lý tài chính của Công ty.

Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận doanh thu, thu nhập khác

Doanh thu bán hàng

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi kết quả giao dịch hàng hóa được xác định một cách đáng tin cậy và Công ty có khả năng thu được các lợi ích kinh tế từ giao dịch này. Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn tất cả năm (5) điều kiện sau:

- a) Doanh nghiệp đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa cho người mua;
- b) Doanh nghiệp không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
- c) Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- d) Doanh nghiệp đã thu được hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng;
- e) Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu của giao dịch về cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp giao dịch về cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ theo kết quả phần công việc đã hoàn thành tại ngày của Bảng cân đối kế toán của kỳ đó. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn tất cả bốn (4) điều kiện sau:

- a) Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- b) Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- c) Xác định được phần công việc đã hoàn thành tại ngày của Bảng cân đối kế toán; và
- d) Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Đối với tiền lãi, cổ tức và lợi nhuận được chia và thu nhập khác: Doanh thu được ghi nhận khi Công ty có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ hoạt động trên và được xác định tương đối chắc chắn.

Nguyên tắc kế toán giá vốn hàng bán

Bao gồm giá vốn của sản phẩm, dịch vụ bán trong kỳ được ghi nhận phù hợp với doanh thu đã ghi nhận trong kỳ.

Đối với chi phí nguyên vật liệu trực tiếp tiêu hao vượt mức bình thường, chi phí nhân công, chi phí sản xuất chung cố định không phân bổ vào giá trị sản phẩm nhập kho được ghi nhận ngay vào giá vốn hàng bán (sau khi trừ đi các khoản bồi thường, nếu có) kể cả khi sản phẩm, hàng hóa chưa được xác định là tiêu thụ.

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ NĂNG LƯỢNG TRƯỜNG THỊNH

Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc ngày 30/06/2020

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)

MẪU B 09a-DN/HN

Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận chi phí tài chính

- Các khoản lỗ liên quan đến hoạt động đầu tư tài chính:
 - Lỗ do góp vốn đầu tư ra bên ngoài: Được ghi nhận theo nguyên tắc thực tế phát sinh.
 - Lỗ đầu tư chứng khoán: Được lập cho từng loại chứng khoán được niêm yết và chưa niêm yết trên thị trường và có giá thị trường giảm so với giá đang hạch toán trên sổ sách.
- Chi phí đi vay: Ghi nhận hàng tháng căn cứ trên khoản vay, lãi suất vay và số ngày vay thực tế.
- Chi phí góp vốn liên doanh liên kết, chuyển nhượng chứng khoán: theo thực tế phát sinh.

Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành: là số thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp tính trên thu nhập chịu thuế trong năm và thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành. Thuế thu nhập phải nộp được tính dựa trên thu nhập chịu thuế và thuế suất áp dụng trong kỳ tính thuế. Khoản thu nhập chịu thuế chênh lệch so với lợi nhuận kế toán là do điều chỉnh các khoản chênh lệch giữa lợi nhuận kế toán và thu nhập chịu thuế theo chính sách thuế hiện hành.

Công ty có nghĩa vụ nộp thuế thu nhập doanh nghiệp với thuế suất 20% trên thu nhập chịu thuế.

Do Công ty CP Đầu tư Năng lượng Trường Thịnh (tên cũ là Công ty CP Thủy điện ĐăkNe) được tách ra từ Công ty CP Tấn Phát và nhà máy thủy điện ĐăkNe, sau đó bàn giao lại cho Công ty CP Thủy điện ĐăkNe vận hành. Theo quy định tại khoản 3, điều 20, nghị định số 218/2013/NĐ-CP quy định về kế thừa các ưu đãi thuế thì thu nhập từ Nhà máy thủy điện ĐăkNe được kế thừa toàn bộ ưu đãi thuế TNDN còn lại của Công ty CP Tấn Phát, cụ thể:

- Thuế suất ưu đãi 10% áp dụng trong vòng 11 năm kể từ năm 2014.
- Giảm 50% số thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp trong 9 năm tiếp theo kể từ năm 2014.

Công ty được ưu đãi về Thuế TNDN đối với dự án nhà máy Thủy điện Đak Bla 1 thuộc địa phận xã Đăk Ruồng, huyện Kon Rẫy, tỉnh Kon Tum. Dự án này nằm trong danh mục địa bàn ưu đãi đầu tư theo Nghị định 118/2015/NĐ-CP của Chính phủ. Công ty được miễn thuế 04 năm (năm 2020 là năm thứ 03 được miễn thuế), giảm 50% số thuế phải nộp trong 09 năm tiếp theo.

Việc xác định thuế thu nhập của Công ty căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và việc xác định sau cùng về thuế thu nhập doanh nghiệp tùy thuộc vào kết quả kiểm tra của cơ quan thuế có thẩm quyền.

Các loại thuế khác được áp dụng theo các luật thuế hiện hành tại Việt Nam.

Ước tính kế toán

Việc lập Báo cáo tài chính tuân thủ theo các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính yêu cầu Ban Giám đốc phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu báo cáo về công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày lập Báo cáo tài chính cũng như các số liệu báo cáo về doanh thu và chi phí trong suốt năm tài chính. Kết quả hoạt động kinh doanh thực tế có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

Lãi trên cổ phiếu

Lãi cơ bản trên cổ phiếu đối với các cổ phiếu phổ thông được tính bằng cách chia lợi nhuận hoặc lỗ thuộc về cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông cho số lượng bình quân gia quyền cổ phiếu phổ thông lưu hành trong kỳ.

Lãi suy giảm trên cổ phiếu được xác định bằng việc điều chỉnh lợi nhuận hoặc lỗ thuộc về cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông và số lượng bình quân gia quyền cổ phiếu phổ thông đang lưu hành do ảnh hưởng của các cổ phiếu phổ thông có tiềm năng suy giảm bao gồm trái phiếu chuyển đổi và quyền chọn cổ phiếu.

Các bên liên quan

Được coi là các bên liên quan là các Công ty con của Công ty, các cá nhân trực tiếp hay gián tiếp qua một hoặc nhiều trung gian có quyền kiểm soát Công ty hoặc chịu sự kiểm soát chung với Công ty. Các bên liên kết, các cá nhân nào trực tiếp hoặc gián tiếp nắm quyền biểu quyết của Công ty mà có ảnh hưởng đáng kể đối với Công ty. Những chức trách quản lý chủ chốt như các Thành viên Hội đồng quản trị, Ban Giám đốc, Người quản lý của Công ty, những thành viên thân cận trong gia đình của những cá nhân hoặc các bên liên kết này hoặc những Công ty liên kết với các cá nhân này cũng được coi là bên liên quan.

Báo cáo bộ phận

Bộ phận là thành phần có thể phân biệt được của Công ty tham gia vào việc cung cấp sản phẩm hoặc dịch vụ có liên quan (bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh), hoặc vào việc cung cấp sản phẩm hoặc dịch vụ trong phạm vi một môi trường kinh tế cụ thể (bộ phận theo khu vực địa lý) mà bộ phận này có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh khác. Ban Giám đốc cho rằng Bộ phận kinh doanh chính của Công ty là Sản xuất, truyền tải và phân phối điện trên cùng khu vực địa lý là Việt Nam nên Công ty không lập Báo cáo bộ phận.

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ NĂNG LƯỢNG TRƯỜNG THỊNH

Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc ngày 30/06/2020

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)

MẪU B 09a-DN/HN

5. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRÊN BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

5.01 Tiền và các khoản tương đương tiền

	30/06/2020	01/01/2020
	VND	VND
Tiền mặt	602.714.700	62.446.331
Tiền gửi ngân hàng	2.691.206.610	48.587.137.705
Cộng	3.293.921.310	48.649.584.036

5.02 Phải thu ngắn hạn khách hàng

	30/06/2020	01/01/2020
	VND	VND
Tổng công ty điện lực Miền Trung	14.020.196.724	24.909.350.269
Ông Nguyễn Ngọc Trung	-	840.000.000
Cộng	14.020.196.724	25.749.350.269

5.03 Trả trước người bán ngắn hạn

	30/06/2020	01/01/2020
	VND	VND
Hợp tác xã vận tải cơ giới Quyết Tiến	71.024.000	71.024.000
Hợp tác xã vận tải và dịch vụ Pleiku	64.000.000	18.000.000
Công ty TNHH Dịch vụ Kỹ thuật TDMN	181.028.000	-
Công ty CP Tư vấn và xây lắp Miền Trung	162.260.000	-
Công ty TNHH Sóng ngầm	-	235.000.000
Công ty TNHH Tư vấn Xây dựng CLC	862.476.000	-
Trả trước các đối tượng khác	646.434.243	916.239.373
Cộng	1.987.222.243	1.240.263.373

5.04 Chi phí trả trước

	30/06/2020	01/01/2020
	VND	VND
Chi phí trả trước ngắn hạn	349.917.832	898.685.195
Chi phí thuê văn phòng	138.000.000	105.000.000
Chi phí bảo hiểm	211.917.832	793.685.195
Chi phí trả trước dài hạn	2.276.580.419	2.284.597.864
Công cụ dụng cụ	159.905.933	158.643.224
Chi phí sửa chữa chờ phân bổ	1.492.925.022	1.484.137.715
Chi phí phân bổ khác	623.749.464	641.816.925
Cộng	2.626.498.251	3.183.283.059

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ NĂNG LƯỢNG TRƯỜNG THỊNH

Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc ngày 30/06/2020

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo) MẪU B 09a-DN/HN**5. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRÊN BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)****5.05 Phải thu khác**

Đơn vị: VND

	30/06/2020		01/01/2020	
	Giá trị ghi sổ	Dự phòng	Giá trị ghi sổ	Dự phòng
Ngắn hạn	45.417.658.237	-	2.914.494.648	-
Phải thu tạm ứng (*)	45.417.658.237	-	2.914.494.648	-
Dài hạn	217.033.000	-	2.701.629.000	-
Ký quỹ, ký cược (thuê nhà)	217.033.000	-	217.033.000	-
Tạm ứng	-	-	2.484.596.000	-
Cộng	45.634.691.237	-	5.616.123.648	-

(*) Khoản tạm ứng các cá nhân để triển khai thực hiện dự án theo Nghị quyết số 02/2020/NQ-TTE ngày 03 tháng 01 năm 2020 của Hội đồng quản trị về việc triển khai các Dự án điện mặt trời khu vực Miền trung Tây Nguyên.



CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ NĂNG LƯỢNG TRƯỜNG THỊNH

Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc ngày 30/06/2020

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)

MẪU B 09 a -DN/HN

5. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRÊN BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)**5.06 Tài sản cố định hữu hình**

	Nhà cửa vật kiến trúc	Máy móc thiết bị	Phương tiện vận tải	Thiết bị dụng cụ quản lý	Tổng
<i>Đơn vị: VND</i>					
NGUYÊN GIÁ					
Số dư tại ngày 01/01/2020	1.139.134.836.490	636.754.545	5.155.402.893	123.311.092	1.145.050.305.020
Tăng trong kỳ	-	163.772.727	-	-	163.772.727
Mua trong kỳ	-	163.772.727	-	-	163.772.727
Giảm trong kỳ	-	-	-	-	-
Số dư tại ngày 30/06/2020	1.139.134.836.490	800.527.272	5.155.402.893	123.311.092	1.145.214.077.747
GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ					
Số dư tại ngày 01/01/2020	225.744.927.535	465.788.995	2.302.975.197	123.311.092	228.637.002.819
Tăng trong kỳ	25.628.380.152	27.705.810	389.756.784	-	26.045.842.746
Khấu hao trong kỳ	25.628.380.152	27.705.810	389.756.784	-	26.045.842.746
Giảm trong kỳ	-	-	-	-	-
Số dư tại ngày 30/06/2020	251.373.307.687	493.494.805	2.692.731.981	123.311.092	254.682.845.565
GIÁ TRỊ CÒN LẠI					
Tại ngày 01/01/2020	913.389.908.955	170.965.550	2.852.427.696	-	916.413.302.201
Tại ngày 30/06/2020	887.761.528.803	307.032.467	2.462.670.912	-	890.531.232.182

Như trình bày tại thuyết minh 5.11, Công ty đã thế chấp nhà cửa, vật kiến trúc với giá trị còn lại tại ngày 30/06/2020 là 887.761.528.803 đồng để đảm bảo cho các khoản tiền vay ngân hàng.

Nguyên giá TSCĐ đã khấu hao hết còn sử dụng tại 30/6/2020 là 436.827.541 đồng (Tại 01/01/2020 là 436.827.541 đồng).

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ NĂNG LƯỢNG TRƯỜNG THỊNH

Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc ngày 30/06/2020

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)

Mẫu B 09a-DN/HN

5. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRÊN BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)**5.07 Lợi thế thương mại**

	30/06/2020	01/01/2020
	VND	VND
Lợi thế thương mại	650.158.658	704.717.427
Cộng	650.158.658	704.717.427

5.08 Phải trả người bán ngắn hạn

Đơn vị: VND

	30/06/2020		01/01/2020	
	Giá trị ghi sổ	Số có khả năng trả nợ	Giá trị ghi sổ	Số có khả năng trả nợ
Công ty CP Tư vấn xây dựng năng lượng tái tạo	41.536.000	41.536.000	41.536.000	41.536.000
Công ty TNHH Kiểm toán CPA VIETNAM	34.100.000	34.100.000	-	-
Hợp tác xã vận tải & dịch vụ Pleiku	18.080.000	18.080.000	-	-
Công ty cổ phần Tấn Phát	200.000.000	200.000.000	2.006.870.545	2.006.870.545
Công ty cổ phần tư vấn và xây dựng điện	587.171.818	587.171.818	587.171.818	587.171.818
Ông Nguyễn Văn Khánh	50.000.000	50.000.000	50.000.000	50.000.000
Công ty Cổ phần Đo đạc và bản đồ HNT	36.818.182	36.818.182	36.818.182	36.818.182
Các đối tượng khác	87.110.000	87.110.000	108.198.614	108.198.614
Cộng	1.054.816.000	1.054.816.000	2.830.595.159	2.830.595.159

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ NĂNG LƯỢNG TRƯỜNG THỊNH

Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc ngày 30/06/2020

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)

MẪU B 09a-DN/HN

5. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRÊN BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)

5.09 Thuế và các khoản phải thu, phải nộp Nhà nước

Nội dung	01/01/2020	Số phát sinh trong kỳ		Đơn vị: VND 30/6/2020
	Số phải nộp	Số phải nộp	Số đã nộp	Số phải nộp
Thuế giá trị gia tăng	10.693.445.277	5.180.081.133	9.068.844.498	6.804.681.912
Thuế thu nhập doanh nghiệp	1.676.586.532	317.800.705	-	1.994.387.237
Thuế thu nhập cá nhân	36.033.303	796.688.333	35.702.524	797.019.112
Thuế tài nguyên	5.965.176.115	2.617.819.091	4.945.042.078	3.637.953.128
Thuế nhà đất	-	-	-	-
Lệ phí môn bài	-	6.000.000	6.000.000	-
Phí, lệ phí và các khoản phải nộp khác	3.933.242.555	1.652.955.552	4.396.691.236	1.189.506.871
Cộng	22.304.483.782	10.571.344.814	18.452.280.336	14.423.548.260

5.10 Chi phí phải trả ngắn hạn

	30/06/2020	01/01/2020
	VND	VND
Chi phí lãi vay Ngân hàng TMCP Việt Á - Chi nhánh Buôn Ma Thuột	7.520.250.638	5.161.684.828
Lãi vay Ngân hàng Nông nghiệp và phát triển nông thôn - CN Kon Tum	3.289.394.500	-
Chi phí lãi vay Ngân hàng TMCP Việt Á - Chi nhánh Hà Nội	1.797.435.781	1.570.282.958
Chi phí lãi vay phải trả cá nhân	184.544.167	-
Cộng	12.791.625.086	6.731.967.786

5.11 Phải trả ngắn hạn khác

	30/06/2020	01/01/2020
	VND	VND
Tài sản thừa chờ giải quyết	15.121.741	15.121.741
Bảo hiểm xã hội	225.158.359	91.369.284
Bảo hiểm y tế	18.734.539	13.710.247
Bảo hiểm thất nghiệp	8.172.943	7.117.266
Phải trả, phải nộp khác	280.273.612	272.760.538
Cộng	547.461.194	400.079.076

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ NĂNG LƯỢNG TRƯỜNG THỊNH

Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc ngày 30/06/2020

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)

Mẫu B09a-DN/HN

5. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRÊN BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)

5.12 Vay và nợ thuê tài chính

	30/06/2020		Phát sinh trong kỳ			01/01/2020		Đơn vị: VND
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Tăng	Giảm	Giá trị	Số có khả năng trả nợ		
Vay ngắn hạn Ngân hàng (Nợ dài hạn đến hạn trả)	98.596.070.946	98.596.070.946	64.455.000.000	27.358.929.054	61.500.000.000	61.500.000.000	61.500.000.000	
Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn - CN Kon Tum (i)	11.941.070.946	11.941.070.946	4.800.000.000	1.658.929.054	8.800.000.000	8.800.000.000	8.800.000.000	
Ngân hàng TMCP Việt Á - Chi nhánh Buôn Ma Thuột (ii)	35.500.000.000	35.500.000.000	18.000.000.000	13.500.000.000	31.000.000.000	31.000.000.000	31.000.000.000	
Ngân hàng TMCP Việt Á - Chi nhánh Hà Nội (iii)	26.000.000.000	26.000.000.000	16.500.000.000	12.200.000.000	21.700.000.000	21.700.000.000	21.700.000.000	
Vay cá nhân (iv)	25.155.000.000	25.155.000.000	25.155.000.000	-	-	-	-	
Vay dài hạn	545.094.000.000	545.094.000.000	-	39.300.000.000	584.394.000.000	584.394.000.000	584.394.000.000	
Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn - CN Kon Tum (i)	79.294.000.000	79.294.000.000	-	4.800.000.000	84.094.000.000	84.094.000.000	84.094.000.000	
Ngân hàng TMCP Việt Á - Chi nhánh Buôn Ma Thuột (ii)	325.500.000.000	325.500.000.000	-	18.000.000.000	343.500.000.000	343.500.000.000	343.500.000.000	
Ngân hàng TMCP Việt Á - Chi nhánh Hà Nội (iii)	140.300.000.000	140.300.000.000	-	16.500.000.000	156.800.000.000	156.800.000.000	156.800.000.000	
Cộng	643.690.070.946	643.690.070.946	64.455.000.000	66.658.929.054	645.894.000.000	645.894.000.000	645.894.000.000	

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ NĂNG LƯỢNG TRƯỜNG THỊNH

Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc ngày 30/06/2020

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)

Mẫu B09a-DN/HN

5. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRÊN BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)

5.12 Vay và nợ thuê tài chính (tiếp theo)

(i) Các hợp đồng:

Khoản vay trên được vay từ Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn - Chi nhánh Kon Tum, theo hợp đồng tín dụng số 5100-LAV - 300900523 ngày 12 tháng 06 năm 2009 với thời hạn vay 12 năm kể từ ngày giải ngân đầu tiên nhằm mục đích đầu tư dự án Thủy điện Đăk Pia, theo các phụ lục hợp đồng sửa đổi tín dụng, nợ gốc bắt đầu từ ngày 25/06/2013. Khoản vay này chịu lãi suất cho vay có điều chỉnh, được tính bằng lãi suất huy động bằng Đồng Việt Nam, 12 tháng (lãi trả sau), của chi nhánh Ngân hàng NN và PTNT - CN Kon Tum, cộng 3%/năm, tối đa bằng lãi suất trần theo quy định của Nhà nước Việt Nam. Lãi suất được điều chỉnh tối đa 03 tháng 01 lần. Khoản vay này được bảo đảm bằng tài sản hình thành từ vốn vay là toàn bộ giá trị công trình thủy điện Đăk Pia.

Khoản vay của Ngân hàng NN & PTNT Việt Nam - Chi nhánh Kon Tum là khoản vay dài hạn bằng VND theo Hợp đồng Tín dụng số 01/2016/HĐTD-TV ngày 28/12/2016 với thời hạn cho vay là 144 tháng, kể từ ngày ký hợp đồng, với mục đích sử dụng để thanh toán chi phí mua lại toàn bộ Nhà máy thủy điện Tà Vi theo Hợp đồng chuyển nhượng Nhà máy thủy điện Tà Vi số 01/2016/HĐCN/NV-ĐN ngày 04/11/2016 giữa Công ty CP thủy điện Đăk Ne (tên cũ của Công ty CP Đầu tư năng lượng Trường Thịnh) và Công ty TNHH Nước Vin. Khoản vay chịu lãi suất theo hình thức thả nổi được điều chỉnh tối đa 3 tháng 1 lần. Kỳ hạn trả nợ gốc và lãi là 6 tháng/lần kể từ ngày giải ngân đầu tiên. Tài sản đảm bảo cho khoản vay là 100% giá trị Công trình Nhà máy thủy điện Tà Vi tại thôn 1 xã Trà Giác, huyện Bắc Trà My, tỉnh Quảng Nam.

(ii) Khoản vay dài hạn từ Ngân hàng Việt Á - Chi nhánh Buôn Ma Thuột (VAB) theo hợp đồng tín dụng số 600-29/15/VAB/HĐTDHĐN ngày 15 tháng 5 năm 2015 với thời hạn 14 năm kể từ ngày 15/05/2015 đến ngày 15/05/2029 nhằm mục đích đầu tư xây dựng Nhà máy thủy điện Đăk Bla1. Lãi suất được áp dụng theo lãi suất thông báo của ngân hàng tại thời điểm giải ngân và được ghi trên từng giấy nhận nợ cụ thể. Thời hạn trả nợ gốc bắt đầu từ ngày 15/05/2018. Ngày 31/12/2016 hai bên có ký phụ lục sửa đổi bổ sung hợp đồng tín dụng số 600-29/15/VAB/HĐTDHĐH-PL01 với việc điều chỉnh số tiền cho vay lên 395.000.000.000 đồng. Thời gian vay không thay đổi, chỉ được ân hạn nợ gốc là 24 tháng kể từ ngày Bên vay nhận tiền vay lần đầu (Trong thời gian 02 năm xây dựng).

Tài sản đảm bảo cho khoản vay trên bao gồm tài sản hình thành từ vốn vay là toàn bộ tài sản gắn liền với đất thuộc Dự án đầu tư nhà máy thủy điện Đăk Bla 1 và toàn bộ máy móc thiết bị thuộc Dự án đầu tư Nhà máy Thủy điện Đăk Bla 1. Quyền tài sản phát sinh từ việc đầu tư Dự án đầu tư Nhà máy Thủy điện Đăk Bla 1. Bao gồm: Quyền phát sinh từ các khoản phải thu theo hợp đồng mua bán điện; Quyền phát sinh từ các nguồn thu có được từ việc thực hiện Cơ chế phát triển sạch (CDM); Quyền phát sinh từ việc khai thác nguồn tài nguyên thiên nhiên.

(iii) Khoản vay tại Ngân hàng TMCP Việt Á - Chi nhánh Hà Nội là khoản vay dài hạn bằng VND theo Hợp đồng Tín dụng số 031-14/HĐTDH ngày 31/12/2014 với thời hạn vay 144 tháng nhằm mục đích tái tài trợ và sửa chữa Nhà máy thủy điện ĐăkNe. Lãi suất vay là lãi biến động và kỳ điều chỉnh được quy định trên từng giấy nhận nợ, lãi suất áp dụng theo thông báo của VAB tại thời điểm giải ngân và được ghi trên từng giấy nhận nợ cụ thể. Công ty sử dụng toàn bộ giá trị Nhà máy thủy điện ĐăkNe để thế chấp cho khoản vay này.



CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ NĂNG LƯỢNG TRƯỜNG THỊNH

Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc ngày 30/06/2020

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)

Mẫu B09a-DN/HN

(iv) Khoản mượn tiền cá nhân theo từng hợp đồng vay:

- Hợp đồng số: 14/2020/HĐVT-TV-VH ngày 05 tháng 4 năm 2020, số tiền: 1.700.000.000 VND
- Hợp đồng số: 05/2020/HĐVT-TV-LTK ngày 01 tháng 4 năm 2020, số tiền: 4.000.000.000 VND
- Hợp đồng số: 15/2020/HĐVT-TV-XL ngày 05 tháng 4 năm 2020, số tiền: 1.500.000.000 VND
- Hợp đồng số: 09/2020/HĐVT-TV-NTKL ngày 03 tháng 4 năm 2020, số tiền: 6.000.000.000 VND
- Hợp đồng số: 16/2020/HĐVT-TV-BT ngày 08 tháng 4 năm 2020, số tiền: 1.255.000.000 VND
- Hợp đồng số: 08/2020/HĐVT-TV-QT ngày 03 tháng 4 năm 2020, số tiền: 3.000.000.000 VND
- Hợp đồng số: 01/2020/HĐVT-TV-LTH ngày 01 tháng 4 năm 2020, số tiền: 2.000.000.000 VND
- Hợp đồng số: 10/2020/HĐVT-TV-NT ngày 03 tháng 4 năm 2020, số tiền: 3.500.000.000 VND
- Hợp đồng số: 12/2020/HĐVT-TV-NH ngày 04 tháng 4 năm 2020, số tiền: 2.200.000.000 VND

Tất cả các khoản vay cá nhân này đều có lãi suất 3%/năm thanh toán 1 lần khi đáo hạn. Thời hạn cho vay là 12 tháng tính cho toàn bộ khoản mượn và tính từ ngày nhận khoản tiền vay đầu tiên. Mục đích của khoản mượn tiền: sử dụng cho hoạt động kinh doanh trong phạm vi pháp luật cho phép.

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ NĂNG LƯỢNG TRƯỜNG THỊNH

Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc ngày 30/06/2020

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)

MẪU B 09a-DN/HN

5. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRÊN BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)

5.13 Vốn Chủ sở hữu

a. Bảng đối chiếu biến động của Vốn Chủ sở hữu

Đơn vị: VND

	Vốn góp của chủ sở hữu	Lợi nhuận chưa phân phối	Lợi ích cổ đông không kiểm soát	Cộng
Số dư tại 01/01/2019	284.904.000.000	21.494.907.609	3.801.739.092	310.200.646.700
Tăng trong năm	-	11.736.413.764	18.677.446	11.755.091.211
Lợi nhuận tăng trong năm	-	11.736.413.764	18.677.446	11.755.091.211
Giảm trong năm	-	1.186.381.582	224.886.955	1.411.268.537
Trích lập các quỹ	-	1.186.381.582	16.086.955	1.202.468.537
Chia cổ tức	-	-	208.800.000	208.800.000
Số dư tại 31/12/2019	284.904.000.000	32.044.939.791	3.595.529.583	320.544.469.374
Số dư tại 01/01/2020	284.904.000.000	32.044.939.791	3.595.529.583	320.544.469.374
Tăng trong kỳ	-	(18.973.141.332)	(236.673.324)	(19.209.814.656)
Lợi nhuận tăng trong kỳ	-	(18.973.141.332)	(236.673.324)	(19.209.814.656)
Giảm trong kỳ	-	17.094.240.000	-	17.094.240.000
Chia cổ tức (*)	-	17.094.240.000	-	17.094.240.000
Số dư tại 30/06/2020	284.904.000.000	(4.022.441.541)	3.358.856.260	284.240.414.718

(*): Công ty chia cổ tức theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông số 78/2019/NQ-TTE ngày 07/06/2019, theo đó Công ty dự kiến chia cổ tức 17.094.240.000 đồng. Công ty thực hiện chia cổ tức trong năm 2020.

b. Chi tiết vốn đầu tư của Chủ sở hữu

	30/06/2020		01/01/2020	
	Số cổ phần sở hữu	Tỷ lệ sở hữu	Số cổ phần sở hữu	Tỷ lệ sở hữu
Vốn góp của các cổ đông	28.490.400	100,00%	28.490.400	100,00%
Cộng	28.490.400	100,00%	28.490.400	100,00%

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ NĂNG LƯỢNG TRƯỜNG THỊNH

Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc ngày 30/06/2020

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)

MẪU B 09a-DN/HN

5. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRÊN BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)**5.13 Vốn Chủ sở hữu (tiếp theo)***c. Các giao dịch về vốn với các Chủ sở hữu*

	Kỳ kế toán 06 tháng kết thúc ngày 30/06/2020 VND	Kỳ kế toán 06 tháng kết thúc ngày 30/06/2019 VND
Vốn đầu tư của chủ sở hữu		
Vốn góp tại đầu kỳ	284.904.000.000	284.904.000.000
Vốn góp tăng trong kỳ	-	-
Vốn góp giảm trong kỳ	-	-
Vốn góp tại cuối kỳ	284.904.000.000	284.904.000.000
Cổ tức, lợi nhuận đã chia, trích lập các quỹ	17.094.240.000	398.120.808

d. Cổ phiếu

	30/06/2020 Cổ phiếu	01/01/2020 Cổ phiếu
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	28.490.400	28.490.400
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	28.490.400	28.490.400
Cổ phiếu phổ thông	28.490.400	28.490.400
Cổ phiếu ưu đãi	-	-
Số lượng cổ phiếu được mua lại	-	-
Cổ phiếu phổ thông	-	-
Cổ phiếu ưu đãi	-	-
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	28.490.400	28.490.400
Cổ phiếu phổ thông	28.490.400	28.490.400
Cổ phiếu ưu đãi	-	-
Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành (đồng/cổ phiếu)	10.000	10.000

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ NĂNG LƯỢNG TRƯỜNG THỊNH

Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc ngày 30/06/2020

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)

MẪU B 09a-DN/HN

6. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CHỈ TIÊU TRÌNH BÀY TRÊN BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

6.01 Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ

	Kỳ kế toán 06 tháng kết thúc ngày 30/6/2020 VND	Kỳ kế toán 06 tháng kết thúc ngày 30/6/2019 VND
Doanh thu bán điện	54.016.503.998	95.576.919.298
Cộng	54.016.503.998	95.576.919.298

6.02 Giá vốn hàng bán và cung cấp dịch vụ

	Kỳ kế toán 06 tháng kết thúc ngày 30/6/2020 VND	Kỳ kế toán 06 tháng kết thúc ngày 30/6/2019 VND
Giá vốn bán điện	35.227.718.970	37.230.035.607
Cộng	35.227.718.970	37.230.035.607

6.03 Doanh thu hoạt động tài chính

	Kỳ kế toán 06 tháng kết thúc ngày 30/6/2020 VND	Kỳ kế toán 06 tháng kết thúc ngày 30/6/2019 VND
Lãi tiền gửi	37.574.431	36.326.663
Cộng	37.574.431	36.326.663

6.04 Chi phí tài chính

	Kỳ kế toán 06 tháng kết thúc ngày 30/6/2020 VND	Kỳ kế toán 06 tháng kết thúc ngày 30/6/2019 VND
Lãi tiền vay	34.996.715.439	39.255.865.333
Cộng	34.996.715.439	39.255.865.333

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ NĂNG LƯỢNG TRƯỜNG THỊNH

Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc ngày 30/06/2020

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)

MẪU B 09a-DN/HN

6. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CHỈ TIÊU TRÌNH BÀY TRÊN BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)

6.05 Chi phí quản lý doanh nghiệp

	Kỳ kế toán 06 tháng kết thúc ngày 30/6/2020 VND	Kỳ kế toán 06 tháng kết thúc ngày 30/6/2019 VND
Chi phí nhân viên quản lý	1.465.724.857	1.730.330.464
Chi phí đồ dùng văn phòng	14.095.621	48.430.591
Chi phí khấu hao TSCĐ	94.265.910	206.270.910
Thuế phí và lệ phí	20.137.901	25.521.529
Chi phí dịch vụ mua ngoài	243.673.197	224.041.835
Chi phí bằng tiền khác	717.431.393	1.586.374.114
Cộng	2.555.328.879	3.820.969.443

6.06 Thu nhập khác/Chi phí khác

	Kỳ kế toán 06 tháng kết thúc ngày 30/6/2020 VND	Kỳ kế toán 06 tháng kết thúc ngày 30/6/2019 VND
Thu nhập khác	32.161.893	53.400
Xử lý công nợ	24.837.536	-
Thu nhập khác	7.324.357	53.400
Chi phí khác	198.490.985	182.672.741
Xử lý công nợ	92.482.207	-
Chi phí khác	106.008.778	182.672.741
Lợi nhuận khác	(166.329.092)	(182.619.341)

6.07 Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành

	Kỳ kế toán 06 tháng kết thúc ngày 30/6/2020 VND	Kỳ kế toán 06 tháng kết thúc ngày 30/6/2019 VND
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	(18.892.013.951)	15.123.756.237
Điều chỉnh tăng các chi phí không được trừ	354.249.754	237.178.110
Thu nhập chịu thuế	(18.537.764.197)	15.360.934.347
Thu nhập được miễn thuế	-	1.981.722.480
Thu nhập chịu thuế suất 10%	101.200.000	11.243.691.655
Thu nhập chịu thuế suất 20%	1.563.703.528	2.135.573.612
Thuế TNDN phải nộp	317.800.705	989.299.306
Thuế TNDN phải nộp 10%	10.120.000	1.124.369.165
Thuế TNDN phải nộp 20%	312.740.705	427.114.723
Thuế TNDN được miễn, giảm	(5.060.000)	(562.184.583)
Thuế TNDN phải nộp	317.800.705	989.299.306

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ NĂNG LƯỢNG TRƯỜNG THỊNH

Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc ngày 30/06/2020

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)

MÃU B 09a-DN/HN

6. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CHỈ TIÊU TRÌNH BÀY TRÊN BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)

6.08 Chi phí sản xuất kinh doanh theo yếu tố

	Kỳ kế toán 06 tháng kết thúc ngày 30/6/2020 VND	Kỳ kế toán 06 tháng kết thúc ngày 30/6/2019 VND
Chi phí nguyên liệu, vật liệu quản lý	14.095.621	48.430.591
Chi phí nhân công	4.130.707.096	3.814.603.524
Chi phí khấu hao tài sản cố định	26.017.072.890	26.135.640.606
Chi phí dịch vụ mua ngoài	4.156.529.966	8.492.893.408
Chi phí khác bằng tiền	3.464.642.276	2.559.436.921
Cộng	37.783.047.849	41.051.005.050

6.09 Lãi cơ bản trên cổ phiếu

	Kỳ kế toán 06 tháng kết thúc ngày 30/6/2020 VND	Kỳ kế toán 06 tháng kết thúc ngày 30/6/2019 VND
Lợi nhuận phân phối cho công ty mẹ	(18.973.141.332)	14.068.144.417
Trích quỹ Khen thưởng phúc lợi	-	398.120.808
Lợi nhuận tính lãi cơ bản trên cổ phiếu	(18.973.141.331)	13.670.023.609
Số cổ phiếu lưu hành bình quân trong kỳ	28.490.400	28.490.400
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	(666)	480

7. THÔNG TIN KHÁC

7.01 Công cụ tài chính

	Giá trị ghi sổ	
	30/06/2020 VND	01/01/2020 VND
Tài sản tài chính		
Tiền và các khoản tương đương tiền	3.293.921.310	48.649.584.036
Phải thu khách hàng và phải thu khác	59.654.887.961	31.365.473.917
Tổng cộng	62.948.809.271	80.015.057.953
Nợ phải trả tài chính		
Các khoản vay	618.535.070.946	645.894.000.000
Phải trả người bán và phải trả khác	26.757.277.194	3.230.674.235
Chi phí phải trả	12.607.080.919	6.731.967.786
Tổng cộng	657.899.429.059	655.856.642.021

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ NĂNG LƯỢNG TRƯỜNG THỊNH

Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc ngày 30/06/2020

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)

MẪU B 09a-DN/HN

Tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính chưa được đánh giá lại theo giá trị hợp lý tại ngày kết thúc kỳ kế toán, do Thông tư 210/2009/TT-BTC và các quy định hiện hành yêu cầu trình bày Báo cáo tài chính và thuyết minh thông tin đối với công cụ tài chính nhưng không đưa ra các hướng dẫn tương đương cho việc đánh giá và ghi nhận giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính, ngoại trừ các khoản trích lập dự phòng nợ phải thu khó đòi và giá trị cổ phiếu đầu tư mua của Công ty chưa niêm yết được ghi nhận theo mệnh giá đã được nêu chi tiết tại các Thuyết minh liên quan.

Quản lý rủi ro tài chính

Rủi ro tài chính của Công ty bao gồm rủi ro thị trường, rủi ro tín dụng và rủi ro thanh khoản. Công ty đã xây dựng hệ thống kiểm soát nhằm đảm bảo sự cân bằng ở mức hợp lý giữa rủi ro phát sinh và chi phí quản lý rủi ro. Ban Giám đốc Công ty có trách nhiệm theo dõi quy trình quản lý rủi ro để đảm bảo sự cân bằng hợp lý giữa rủi ro và kiểm soát rủi ro.

Rủi ro thị trường

Hoạt động kinh doanh của Công ty sẽ chủ yếu chịu rủi ro khi có sự thay đổi về giá hàng hóa nguyên liệu đầu vào, tỷ giá hối đoái, lãi suất và các chủ trương chính sách của Nhà Nước.

Quản lý rủi ro về tỷ giá

Khách hàng Công ty là đối tác trong nước, do đó Công ty sẽ ít gặp phải rủi ro đáng kể khi tỷ giá có sự biến động.

Quản lý rủi ro về lãi suất

Tổng giá trị các khoản vay ngắn hạn, dài hạn và vay nhân theo hợp đồng tại thời điểm lập Báo cáo tài chính khá lớn, chiếm tỷ lệ khoảng 65%/Tổng Tài sản của Công ty. Do đó Công ty sẽ gặp phải một số rủi ro về lãi suất khi có sự điều chỉnh lãi suất trên thị trường.

Rủi ro tín dụng

Rủi ro tín dụng xảy ra khi có khách hàng hoặc đối tác không đáp ứng được các nghĩa vụ trong hợp đồng dẫn đến các tổn thất tài chính cho Công ty. Công ty có chính sách tín dụng phù hợp và thường xuyên theo dõi tình hình để đánh giá xem Công ty có chịu rủi ro tín dụng hay không.

Quản lý rủi ro thanh khoản

Mục tiêu quản lý rủi ro thanh khoản nhằm đảm bảo đủ nguồn vốn để đáp ứng các nghĩa vụ tài chính hiện tại và trong tương lai. Tính thanh khoản cũng được Công ty quản lý nhằm đảm bảo mức phụ trội giữa công nợ đến hạn và tài sản đến hạn trong năm ở mức có thể kiểm soát đối với số vốn mà Công ty tin rằng có thể tạo ra trong năm đó. Chính sách của Công ty là theo dõi thường xuyên các yêu cầu về thanh khoản hiện tại và dự kiến trong tương lai nhằm đảm bảo Công ty duy trì đủ mức dự phòng tiền mặt, các khoản vay và đủ vốn mà các chủ sở hữu cam kết góp nhằm đáp ứng các quy định về tính thanh khoản ngắn hạn và dài hạn.

Bảng dưới đây trình bày chi tiết các mức đáo hạn theo hợp đồng còn lại đối với tài sản tài chính và công nợ tài chính phi phái sinh và thời hạn thanh toán như đã thoả thuận. Bảng này được trình bày dựa trên dòng tiền chưa chiết khấu của tài sản tài chính và công nợ tài chính theo ngày sớm nhất mà Công ty phải trả:

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ NĂNG LƯỢNG TRƯỜNG THỊNH

Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc ngày 30/06/2020

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)

MẪU B 09a-DN/HN

	30/06/2020		
	Dưới 1 năm VND	Trên 1 năm VND	Cộng VND
Tài sản tài chính			
Tiền và các khoản tương đương tiền	3.293.921.310	-	3.293.921.310
Phải thu khách hàng và phải thu khác	59.437.854.961	217.033.000	59.654.887.961
Cộng	62.731.776.271	217.033.000	62.948.809.271
Nợ phải trả tài chính			
Các khoản vay	73.441.070.946	545.094.000.000	618.535.070.946
Phải trả người bán và phải trả khác	26.757.277.194	-	26.757.277.194
Chi phí phải trả	12.607.080.919	-	12.607.080.919
Cộng	112.805.429.059	545.094.000.000	657.899.429.059
Chênh lệch thanh khoản thuần	(50.073.652.788)	(544.876.967.000)	(594.950.619.788)

7.02 Thông tin về các bên liên quan

Danh sách các bên liên quan:

Bên liên quan

Thành viên HĐQT, Ban TGD và Ban kiểm soát

Mối quan hệ

Thành viên chủ chốt

Giao dịch với bên liên quan trong kỳ

	Cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc ngày 30/6/2020	Cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc ngày 30/6/2019
	VND	VND
Tạm ứng		
Ông Trần Quang Chung	6.551.919.000	13.000.000
Ông Hoàng Hữu Điền	36.236.906.000	105.000.000
Hoàn ứng		
Ông Hoàng Hữu Điền	31.362.906.000	17.695.880

Số dư với bên liên quan tại ngày 30/06/2020

	30/06/2020	01/01/2020
	VND	VND
Thành viên chủ chốt		
<i>Tạm ứng</i>		
Ông Trần Quang Chung	6.564.919.000	13.000.000
Ông Hoàng Hữu Điền	5.500.564.607	626.564.607

Thù lao và tiền lương của HĐQT, Ban Kiểm soát và Ban Giám đốc

	Cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc ngày 30/6/2020	Cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc ngày 30/6/2019
	VND	VND
Tổng thu nhập	401.200.000	251.775.000

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ NĂNG LƯỢNG TRƯỜNG THỊNH

Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc ngày 30/06/2020

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)

MẪU B 09a-DN/HN

7.03 Thông tin so sánh

Số liệu so sánh là số liệu trên Báo cáo tài chính hợp nhất năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2019 đã được kiểm toán và Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc 30/06/2019 đã được soát xét bởi Công ty TNHH Kiểm toán CPA VIETNAM – Thành viên Hãng Kiểm toán Quốc tế Moore Global Network.

Kon Tum, ngày 25 tháng 08 năm 2020

Người lập biểu

Đoàn Thị Ngọc Thu

Kế toán trưởng

Hoàng Hữu Điền

Tổng Giám đốc



Trần Quang Chung

